

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2025  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải phát sinh từ 01 lò hơi (sử dụng nguyên liệu đốt gồm: Than và sinh khối (viên nén gỗ, mùn cưa,...) công suất 30 tấn hơi/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Dòng khí thải**

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi được xả thải ra ngoài môi trường qua ống phóng không cao 21 m.

**2.2. Vị trí xả khí thải**

Vị trí xả khí thải: Tọa độ X(m) = 2251706; Y(m) = 562534 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

**2.3. Lưu lượng xả khí thải**

Lưu lượng xả khí thải tối đa: 85.000 m<sup>3</sup>/h.

**2.4. Phương thức xả khí thải**

Cường bức bằng quạt hút, gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

**2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải được tính theo công thức  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  (Áp dụng hệ số  $K_p = 0,9$ ;  $K_v = 1$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Cột C	Cột C <sub>max</sub>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	(06 tháng/lần) 02 lần/năm	Chủ dự án lựa chọn hình thức quan trắc định kỳ thay vì lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	180		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	900		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	450		
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	765		

Khi có sự thay đổi về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi khí thải từ lò hơi được thu gom bằng quạt hút và đưa về hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án đầu tư hệ thống thu gom xử lý bụi khí thải lò hơi như sau:

- Quy trình thu gom, xử lý khí thải lò hơi: Bụi, khí thải → Bộ hâm nước → Bộ sấy không khí → Lọc bụi cyclon chùm → Lọc bụi dung dịch nước vôi → Quạt hút → Ống phóng không cao 21 m so với mặt đất (khí thải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi (CaO) khoảng 1.560 kg/năm.

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án thuộc đối tượng quan trắc tự động hoặc quan trắc định kỳ khí thải. Chủ án lựa chọn quan trắc khí thải định kỳ nên không thực hiện quan trắc tự động (quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý khí thải.

- Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án tạm dừng hoạt động để kiểm tra xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa không quá 06 tháng từ Quý IV/2025.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.5 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải ít nhất 01 lần/ngày tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò hơi trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm tại mục 2.5 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

### 3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, Chủ dự án phải dừng ngay hoạt động của lò hơi để sửa chữa, khắc phục sự cố và báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định để kịp thời xử lý./.